

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2022.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Thu Hà
2. Ông Nguyễn Phước Trung

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát Viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Văn Thị H

Địa chỉ: Ấp T, xã TA, huyện CA, tỉnh H. Có mặt

**- Bị đơn:** Anh Trần Thanh T

Địa chỉ: Ấp T, xã TA, huyện CA, tỉnh H. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Văn Thị H trình bày:* Chị và anh Trần Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện CA, tỉnh H vào ngày 17/3/2010. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn chị đã cố gắng để giữ hạnh phúc vợ chồng, cho đến

thời gian gần đây là khoảng tháng 4/2022 vì anh T ghen tuông vô cớ nên đã có hành động đánh đập chị dẫn đến bị động thai và phải nhập viện hai lần nhưng anh T và gia đình anh T vẫn bỏ mặc không quan tâm đến. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị và anh T có 02 con chung tên Trần Thị Thanh T1, giới tính: Nữ, sinh ngày 11/01/2011, Trần Thanh T2, sinh ngày 13/3/2014 và hiện tại đang chị đang mang thai khoảng 05 tháng. Hiện tại các con vẫn đang sống chung với chị và anh T. Đối với cháu T1 và cháu T2 muốn sống chung với ai thì do các con tự lựa chọn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Văn Thị H về quan hệ hôn nhân, con chung là đúng. Thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn do anh nghi ngờ chị H có mối quan hệ khác giấu anh nên trong lúc ghen tuông anh đã không kiềm chế được hành động và có đánh chị H, anh nhận thấy anh có lỗi với chị H và mong muốn chị H tha thứ cho anh để vợ chồng tiếp tục chung sống và chăm lo cho các con

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Thanh T1, giới tính: Nữ, sinh ngày 11/01/2011, Trần Thanh T2, giới tính: Nam, sinh ngày 13/3/2014 và hiện chị H đang mang thai. Anh không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà: Chị Văn Thị H, anh Trần Thanh T khai và giữ yêu cầu như trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu:

- Về tố tụng: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử chấp nhận cho chị Văn Thị H được ly hôn với anh Trần Thanh T. Giao con chung tên Trần Thị Thanh T1, giới tính: Nữ, sinh ngày 11/01/2011 và Trần Thanh T2, giới tính: Nam, sinh ngày 13/3/2014 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi

các con theo quy định pháp luật. Án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng buộc các đương sự phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Trần Thanh T, hiện tại có nơi cư trú tại ấp T, xã TA, huyện CA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

#### **Về nội dung tranh chấp:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện CA theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị H yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy chị và anh T chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T ghen tuông và có hành vi bạo lực với chị H nên đời sống vợ chồng mất hạnh phúc, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng không thành. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng chị H cho rằng không còn tình cảm gì với anh T và kiên quyết ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Văn Thị H được ly hôn với anh Trần Thanh T.

[2]. Về con chung: Chị H và anh T sống với nhau có 02 con chung Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 11/01/2011 và Trần Thanh T2, sinh ngày 13/3/2014, chị H thống nhất để cho các con tự lựa chọn chung sống với chị hay anh T, nếu các con chọn sống với chị thì chị yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do cháu T1 và cháu T2 hiện tại đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của cháu và tại Tờ tự khai của cháu T1, thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, riêng cháu T2 thì có nguyện vọng được sống chung với cả cha và mẹ. Tại phiên tòa anh T tự nguyện giao cháu T2 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu với số tiền 750.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Văn Thị H phải chịu theo quy định. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Trần Thanh T phải chịu.

[6]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Toà chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Văn Thị H được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thanh T1, giới tính: Nữ, sinh ngày 11/01/2011 và Trần Thanh T2, giới tính: Nam, sinh ngày 13/3/2014 cho chị Văn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh T phải cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu với số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày 11/8/2022 cho đến khi cháu Trần Thị Thanh T1 và cháu Trần Thanh T2 tròn 18 tuổi.

Anh Trần Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Văn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0011858 ngày 18/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị H không phải nộp thêm.

Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

6. Quyền kháng cáo: Chị Văn Thị H, anh Trần Thanh T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án 11/8/2022.

T2 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã TA
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

**Trần Minh Mẫn**